

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 778/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025**  
**(Đối với chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ cấp tỉnh)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương; Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 369/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị;

Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 58/LS: KHĐT-TC ngày 19/12/2024.



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch đầu tư công năm 2025, đối với chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ chi cấp tỉnh như sau:

1. Quyết định giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho các dự án, nhiệm vụ chi đầu tư công với tổng nguồn là: 720.122,93 triệu đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*), cụ thể như sau:

1.1. Giao vốn chuẩn bị đầu tư dự án cấp tỉnh: 3.000 triệu đồng từ nguồn XDCB tập trung.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

1.2. Cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: 15.000 triệu đồng từ nguồn XDCB tập trung.

*(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)*

1.3. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho các dự án đầu tư công với tổng nguồn là: 702.122,93 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Nguồn XDCB tập trung: 676.122,93 triệu đồng;
- Nguồn Xổ số kiến thiết: 26.000 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)*

2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và quy định hiện hành các nội dung chi sau:

2.1. Chi trả nợ gốc, lãi vay 11.700 triệu đồng.

2.2. Ghi thu – ghi chi dự án BT 300.000 triệu đồng: Ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi dự án đầu tư theo hình thức BT theo tiến độ thực hiện.

**Điều 2.** Đối với nguồn bội chi từ phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương 1.000.000 triệu đồng được thông qua tại Nghị quyết số 369/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì tham mưu thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Giao các đơn vị chủ đầu tư:

Quản lý sử dụng vốn đầu tư công năm 2025 đúng quy định. Xây dựng kế hoạch giải ngân vốn ngay từ đầu năm, phải coi việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, kết quả giải ngân vốn đầu tư công là căn cứ để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ theo quy định. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý, theo dõi kế hoạch đầu tư công và thực hiện dự án.

**Điều 4.** Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các

đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh, các Chủ đầu tư (theo phụ lục đính kèm) và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC (b/c);
- TTTU; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Tân Phụng**

**Phụ lục 01: DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN BƯỚC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Ngành/lĩnh vực/Tên dự án	Cơ quan lập HSDX Chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	QĐ phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Nguồn XDCB tập trung)	Ghi chú
									Số, ngày tháng năm	Dự toán chuẩn bị đầu tư			
	<b>TỔNG CỘNG</b>									4.298	3.000	3.000	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ môi trường</b>												
	Hệ thống xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 2)	Sở Xây dựng	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	Thành phố Bắc Ninh	KBNN tỉnh		262	221/QĐ-SXD ngày 15/7/2020	50/QĐ-SXD ngày 01/4/2024	4.298	3.000	3.000	

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2025



(Kèm theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Hạn mức vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	
1	Cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Ninh	15.000	15.000	HĐND tỉnh đã thông qua phương án sửa đổi Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh tại kỳ họp ngày 11/12/2024



**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN, CHUYÊN TIẾP, KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm dự kiến xây dựng (hạng mục)	Mã ngành kinh tế (ngành, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm			Giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước						Nguồn XDCB tập trung		Nguồn Xổ số
<b>DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>																	
	Vốn ngân sách nhà nước							3.980.917	3.648.917	-	404.523	2.297.266	1.343.883	702.122.930	676.122.930	26.000.000	
	Vốn trong nước							3.980.917	3.648.917		404.523	2.297.266	1.343.883	702.122.930	676.122.930	26.000.000	
	Vốn nước ngoài																
<b>A</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh)</b>							3.980.917	3.648.917	-	404.523	2.297.266	1.343.883	702.122.930	676.122.930	26.000.000	
<b>A1</b>	<b>DỰ ÁN, HẠNG MỤC ĐÃ ĐƯỢC CẤP CỘ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN</b>							516.539	516.539	-	404.523	142.266	380.181	24.791,123	24.791,123	-	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>							7.064	7.064	-	6.262	3.762	5.500	762,332	762,332	-	
<b>I</b>	Trụ sở công an và ban chỉ huy quân sự xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh Bắc Ninh	Thuận Thành	KBNN tỉnh	7004692	041	2020-2022	Số 359/QĐ-SKHD1 ngày 29/10/2019	7.064	7.064	142/QĐ-STC ngày 11/10/2024	6.262	3.762	5.500	762,332	762,332	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa, thông tin</b>							190.654	190.654	-	141.801	57.000	132.196	9.605,102	9.605,102	-	
<b>2</b>	Tu bổ, tôn tạo di tích lăng và đền thờ Kinh Dương Vương, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Thuận Thành	KBNN tỉnh	7296815	161	2014-2018; đến hết năm 2022	51/QĐ-UBND; 17/1/2014; 1603 ngày 23/11/2020	168.680	168.680	1388/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	122.189	36.000	114.846	7.342,752	7.342,752	
<b>3</b>	Tu bổ tôn tạo di tích đình Viềm Xã (đình Diềm) phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7795628	161	Đến hết năm 2023	1740/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019; 1464/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	21.974	21.974	1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	19.612	21.000	17.350	2.262,350	2.262,350	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ môi trường</b>							14.988	14.988	-	12.807	2.036	11.347	1.655,566	1.655,566	-	
<b>4</b>	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương, huyện Tiên Du	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh	Tiên Du	KBNN tỉnh	7465895	261	2014-2017	Số 86/QĐ-SXD ngày 30/3/2016	14.988	14.988	129/QĐ-STC ngày 25/9/2024	12.807	2.036	11.347	1.655,566	1.655,566	
<b>IV</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>							303.833	303.833	-	243.653	79.467	231.138	12.768,123	12.768,123	-	
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>							224.879	224.879	-	179.637	14.467	169,138	10.751,497	10.751,497	-	
<b>5</b>	Cải tạo, nâng cấp ĐT.280 đoạn An Quang - Đông Bình (ý trình Km6+700 - Km11+244), huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Gia Bình	KBNN tỉnh	7535001	292	2015-2018	838/QĐ ngày 04/8/2015	224.879	224.879	1374/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 (Quyết định phê duyệt QT hạng mục)	179.637	14.467	169,138	10.751,497	10.751,497	Dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục Xây lắp, chi khác, một phần đến bù GPMB tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 06/11/2024
<b>b</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>							78.954	78.954	-	64,016	65,000	62,000	2.016,626	2.016,626	-	
<b>6</b>	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K28+500 - K31+100 đê ta Đường, huyện Tiên Du	Chi cục thủy lợi	Tiên Du	KBNN tỉnh	7942653	283	2021-2023	1433/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	78.954	78.954	1443/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	64,016	65,000	62,000	2.016,626	2.016,626	
<b>A2</b>	<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP</b>							3.333.801	3.001.801	-	-	2.051.500	963.402	574.131,807	548.131,807	26.000,000	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>							123.450	123.450	-	-	80.000	44.638	35.362,134	35.362,134	-	
<b>I</b>	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004692	041	2022-2026	3961/QĐ-BCA-H01 ngày 30/5/2019	123.450	123.450		80.000	44.638	35.362,134	35.362,134		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>							307.484	307.484	-	-	264.500	130,667	122.000,000	96.000,000	26.000,000	
<b>2</b>	Dự án ĐTXD trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7806809	093	2023-2026	1783/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 909/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	190.777	190.777		153.500	83.500	70.000,000	44.000,000	26.000,000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư (log, khoản)	Mã ngành kinh tế (log, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ thời công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú		
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm			Giá trị quyết toán	Tổng số		Trong đó	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số
3	DA DTXD mở rộng trường THPT Lê Văn Thịnh	BQLDA DTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Gia Định	KBN tỉnh	7866813	074	Đến năm 2026	1501/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 2097/QĐ-UBND ngày 25/10/2023; 1132/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	73.834	73.834			70.000	23.167	40.000,000	40.000,000		
4	Dự án DTXD mở rộng trường THPT Ngô Gia Tự	BQLDA DTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Từ Sơn	KBN tỉnh	7806813	074	2023-2025	1778/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 268/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	42.873	42.873			41.000	24.000	12.000,000	12.000,000		
III	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình								526.450	526.450	-	-	150.000	30.700	60.000,000	60.000,000	-	
5	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế và Nhà tang lễ thành phố Từ Sơn.	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	Từ Sơn	KBN tỉnh	7964988	139	Thời gian chuẩn bị đầu tư năm 2022-2024; Thời gian thực hiện dự án năm 2024-2027	87/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	526.450	526.450			150.000	30.700	60.000,000	60.000,000		
IV	Các hoạt động kinh tế								2.347.369	2.015.369	-	-	1.534.000	747.398	343.769,673	343.769,673	-	
a	Lĩnh vực Công nghiệp								15.121	15.121	-	-	14.000	4.000	3.000,000	3.000,000	-	
6	Dự án Lắp bản đồ, cắm mốc hương tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110kV trở lên theo điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	Sở Công thương	Tỉnh Bắc Ninh	KBN tỉnh	8055319	338	2023-2025	2247/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	15.121	15.121			14.000	4.000	3.000,000	3.000,000		
b	Lĩnh vực giao thông								1.370.173	1.370.173	-	-	1.022.000	583.545	178.000,000	178.000,000	-	
7	Đường Hoàng Quốc Việt, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Từ Sơn	KBN tỉnh	7941663	292	2021-2025	197/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	190.473	190.473			128.000	83.049	15.000,000	15.000,000		
8	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Ngà và đường hai đầu cầu	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Tp Bắc Ninh	KBN tỉnh	7941664	292	GD 1: 2022-2024; GD 2: 2023-2025	292/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 2089/UBND-XDCB ngày 22/7/2022; 104/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	157.860	157.860			115.000	76.699	25.000,000	25.000,000		
9	Dự án DTXD đường ĐT.287 đoạn từ xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong đến phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Yên Phong	KBN tỉnh	7774233	292	2022-2025	1708/QĐ ngày 29/10/2019; 382/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	335.202	335.202			268.000	94.678	60.000,000	60.000,000		
10	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới, huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Yên Phong	KBN tỉnh	7945534	292	Năm 2021-2023 và tiếp đến năm 2025	291/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	528.088	528.088			422.000	257.059	50.000,000	50.000,000		
11	Đường gom QL.18 từ KCN Quê Võ đến khu đô thị Tây Hồ từ Km8+100 - Km8+400 (bên trái tuyến) và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đường gom, thị xã Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Quê Võ	KBN tỉnh	7721046	292	2018-2023, tiếp đến năm 2025	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 331/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 1392/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	38.763	38.763			13.000	13.036	10.000,000	10.000,000		
12	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ Sơn	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Từ Sơn, Yên Phong	KBN tỉnh	7721029	292	Năm 2018-2023, tiếp đến năm 2025	1895/QĐ ngày 26/10/2018; 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 578/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	119.787	119.787			76.000	59.025	18.000,000	18.000,000		

15/10/2024



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ liệt kê quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Quỹ khoán)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Giải chú		
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm			Giá trị quyết toán	Tổng số		Trong đó	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số
c	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																	
13	Dự án thành phần số 3 Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Bắc Ninh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	8051185	283	04 năm kể từ năm khởi công	2707/QĐ-BNN-TL ngày 05/7/2023; 3665/QĐ-BNN-TL ngày 28/10/2024	537.000	205.000			155.000	1.822	50.000.000	50.000.000		Vốn ngân sách tỉnh Bắc Ninh trong cơ cấu nguồn vốn dự án là 205 tỷ đồng
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Cầu Tây-Đại Chu huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh	Yên Phong	KBNN tỉnh	7852809	283	Năm 2021-2025 - Chuẩn bị đầu tư: 2021-2023; - Thực hiện dự án: 2023-2025	2266/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	35.665	35.665			29.000	13.399	10.000.000	10.000.000		
15	Đầu tư xây dựng tuyến kênh tưới, tiêu; Công trình phục vụ quản lý vận hành trạm bơm Trĩ Phương II.1 và Trĩ Phương II.2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh	Tiền Du	KBNN tỉnh	7994916	283	- Năm 2022: hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; - Năm 2023-2026 triển khai thực hiện dự án	283/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	225.484	225.484			175.000	88.200	30.000.000	30.000.000		
16	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Trì, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh	Lương Tài	KBNN tỉnh	7883401	283	Năm 2021 - 2023, hoàn thành trong năm 2025.	1801/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1404/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	75.000	75.000			68.000	55.200	3.000.000	3.000.000		Đề nghị kéo dài thời gian bỏ trị vốn
17	Kiến cố hóa kênh giữa Như Quỳnh đoạn từ đầu tiết Quán Tranh đến Xi nghiệp Tam Thiên Mẫu	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Dương	Thuận Thành	KBNN tỉnh	7868445	283	2021-2025	1938/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	59.891	59.891			48.000	804	47.195.942	47.195.942		
18	Kiến cố hóa kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Dương	Gia Bình	KBNN tỉnh	7868442	283	2021-2025	1875/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	29.034	29.034			23.000	426	22.573.731	22.573.731		
v	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể								29.049	29.049	-	-	23.000	10.000	13.000.000	13.000.000	-	
19	ĐTXD Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương và xây dựng khối nhà kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp để phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công Thương	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	8055318	341	2023-2025	2390/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	29.049	29.049			23.000	10.000	13.000.000	13.000.000		
A3	<b>KHOẢNG MỞI</b>								<b>130.576</b>	<b>130.576</b>	-	-	<b>103.500</b>	<b>300</b>	<b>103.200.000</b>	<b>103.200.000</b>	-	
1	Lĩnh vực quốc phòng								<b>86.940</b>	<b>86.940</b>	-	-	<b>68.500</b>	-	<b>68.500.000</b>	<b>68.500.000</b>	-	
1	Chính trang, sửa chữa, cải tạo doanh trại cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Ninh (phục vụ tham gia Hội thi "Doanh trại chính quy, sáng, xanh, sạch, đẹp" cấp quân khu năm 2025)	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004686	011	2024-2025	3199/QĐ-QK ngày 21/10/2024	25.890	25.890			20.500	-	20.500.000	20.500.000		
2	ĐTXD mới một số hạng mục thuộc Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004686	011	2023-2025	3466/QĐ-QK ngày 14/11/2024	21.710	21.710			17.000	-	17.000.000	17.000.000		
3	ĐA cải tạo, sửa chữa một số hạng mục thuộc cơ quan và đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Tp Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004686	011	2023-2025	3464/QĐ-QK ngày 14/11/2024	39.340	39.340			31.000	-	31.000.000	31.000.000		





STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư (loại, khoản)	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú	
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm			Giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước						Nguồn XDCB tập trung		Nguồn Xổ số
II	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể							43.636	43.636	-	-	35.000	300	34.700,000	34.700,000	-		
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trụ sở HĐND-UBND tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	Tg Bắc Ninh	KBND tỉnh	8112867	341	2024-2026	1428/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	43.636	43.636			35.000	300	34.700,000	34.700,000		

(\*) Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước: là số vốn giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024

